

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 639/2024/HC-PT

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

*“V/v khiếu kiện đối với
quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 434/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 9 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2024/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12771/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đinh Hồng T, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm C, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; ĐKKTT: Tổ E phường H, thành phố T; chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T3, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm C, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Đinh Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện ông Đinh Hồng T, người đại diện theo uỷ quyền và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T3 trình bày:*

Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố T ban hành Quyết định số 10009/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 thu hồi đất của ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 sử dụng tại xã C để thực hiện dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41; Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án nhưng chưa đảm bảo quyền lợi cho gia đình, cụ thể: Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, tại Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án và phụ lục kèm theo thì gia bị thu hồi 400m² đất ONT và 2.211,6m² đất BHK. Gia đình ông T3 nhất trí với đơn giá bồi thường nhưng chưa tính toán cho gia đình khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích 2.211,6m² đất BHK thuộc thửa đất số 368 (số thửa chính lý là 1442), tờ bản đồ số 12 xã C.

Vì vậy, ông T3 có đơn khởi kiện yêu cầu:

+ Huỷ Quyết định số 10009/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 sử dụng tại xã C để thực hiện dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41; huỷ Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41.

+ Buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thay thế và chi trả cho gia đình khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích 2.211,6m² đất BHK thuộc thửa đất số 368 (số thửa chính lý là 1442), tờ bản đồ số 12 xã C.

Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đề nghị huỷ Quyết định số 10009/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 sử dụng tại xã C để thực hiện dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41.

- *Người bị kiện UBND thành phố T có văn bản trình bày:*

Hộ ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) vào sổ cấp số 00607/QSDĐ/162/1999 QĐ-UB/H ngày 21/6/1999. Trong đó có thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.624m² loại đất ONT+BHK; thửa đất số 372, tờ BD số 12, diện tích 478m² loại đất LUK và GCNQSDĐ số BP 200113 ngày 24/7/2013 cấp tại thửa đất số 370, tờ BD số 12, diện tích 448m², loại đất CLN.

Hộ ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 sử dụng tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.624m², loại đất ONT+BHK đối soát sang bản đồ địa chính chỉnh lý thể hiện tại thửa số 1442, tờ BD số 12, diện tích 2.611,6m² trong đó 400m² đất ONT và 2.211,6m² đất BHK (giảm 12,4m² so với GCNQSDĐ). Hiện trạng trên đất có nhà ở 01 tầng, các công trình phụ sinh hoạt, sân, tường rào, bờ kè...cây cối và nhà nấu rượu. Trên đất ông T3 còn cho con gái là bà Đinh Thị Minh D xây dựng khu nấu, sản xuất mua bán rượu; cho con trai Đinh Trọng Á xây nhà 01 tầng mái ngói và công trình phụ sinh hoạt.

Thửa đất số 370, tờ BD số 12, diện tích 448m², đất trồng cây lâu năm, đối soát sang bản đồ địa chính chỉnh lý thể hiện tại thửa số 370, tờ BD số 12, diện tích 403,1m² loại đất CLN (giảm 44,9m² so với GCNQSDĐ). Hiện trạng trên đất có tài sản là nhà ở, các công trình phụ phục vụ sinh hoạt của bà Đinh Thị Minh D (con gái ông T3) và trồng cây cối.

Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB: Ngày 18/5/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các phòng, ban của thành phố; Ban chỉ đạo công tác GPMB xã C và các thành phần có liên quan triển khai chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thông báo thu hồi đất đến các hộ gia đình thuộc quy hoạch dự án; thống kê đất đai tài sản trên đất; lập phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB; công khai phương án bồi thường GPMB; thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ GPMB. Ngày 07/11/2022 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 10009/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 sử dụng đất tại xã C để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Đợt 41) tại các thửa đất số 1442 (368), tờ bản đồ số 12, diện tích 2.622,6m², loại đất ONT+BHK (trong đó có 400m² đất ONT và 2.211,6m² đất BHK); thửa đất số 370, tờ bản đồ số 12, diện tích 403,1m², loại đất CLN; thửa đất số 372, tờ bản đồ số 12, diện tích 369,1m², loại đất CLN.

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB tại Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 cụ thể như sau:

+ Hộ ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3 tổng giá trị phê duyệt là 5.900.431.930 đồng. Trong đó: Bồi thường về đất ở: 840.000.000 đồng; bồi thường đất vườn cùng thửa đất ở: 2.322.180.000 đồng; bồi thường đất nông nghiệp: 198.455.400 đồng; bồi thường tài sản: 2.075.404.530 đồng; bồi thường cây cối: 251.183.200 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống: 9.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề: 180.694.800 đồng; hỗ trợ thuê nhà: 4.800.000 đồng; hỗ trợ

thuê địa điểm sản xuất kinh doanh: 2.246.400 đồng; bồi thường chi phí di chuyển: 3.500.000 đồng; thưởng bàn giao mặt bằng: 12.967.600 đồng.

+ Hộ ông Đinh Trọng Á (bà Nguyễn Thị Thanh B) con trai ông Đinh Hồng T có nhà ở trên thửa đất số 1442 (368) và xây nhà trên thửa đất số 370 tổng trị giá phê duyệt 198.659.890 đồng, gồm: Bồi thường tài sản: 186.659.890 đồng, hỗ trợ thuê nhà: 12.000.000 đồng.

+ Bà Đinh Thị Minh D con gái ông Đinh Hồng T có nhà xây dựng khu sản xuất, kinh doanh rượu trên thửa đất 1442 (368) và nhà xây trên thửa đất số 370 tổng trị giá phê duyệt 662.840.783 đồng, gồm: Bồi thường tài sản: 645.147,983 đồng, hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất kinh doanh: 17.692.800 đồng.

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, gia đình ông T đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Về tái định cư: Ngày 16/11/2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 9940/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư cho hộ ông Đinh Hồng T tại các thửa 1991, 1992, 1993, 1994, 1995 thuộc tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 500m² loại đất ONT tại Khu tái định cư S, xã C, thành phố T.

Phần diện tích đất 2.211,6m² đất vườn cùng thửa đất ở (BHK) tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12 của hộ ông Đinh Hồng T là đất vườn cùng thửa với đất ở, đã được tính giá bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường đất ở tại Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND thành phố T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 17 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh T ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc ông Đinh Hồng T đề nghị hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm là không có cơ sở để giải quyết. Đề nghị Toà án giữ nguyên Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T và không chấp nhận khởi kiện của ông Đinh Hồng T.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2024/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 10, 62, 66, 69, 84, 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm a, b, c khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ T4; khoản 1 Điều 17 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh T; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

tuyên xử:

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc huỷ Quyết định số 10009/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc thu hồi đất của ông Đình Hồng T và bà Lê Thị T3 sử dụng đất tại xã C để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đình Hồng T về việc huỷ Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41; buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thay thế và chi trả cho gia đình khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích 2.211,6m² đất BHK thuộc thửa đất số 368 (số thửa chính lý là 1442), tờ bản đồ số 12 xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

- Ngày 20/7/2024, người khởi kiện ông Đình Hồng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Đình Hồng T giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đình Hồng T trình bày: Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ và các tình tiết của vụ án không khách quan, nhận định gia đình ông T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp nên không được hỗ trợ khoản tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm là không đúng. Tại phiên phúc thẩm hôm nay, ông T nộp bổ sung các tài liệu thể hiện gia đình ông T có sản xuất nông nghiệp bằng việc trồng các loại cây ăn quả Na, Q, Hồng X và có thu nhập bằng việc bán các sản phẩm nông nghiệp. Theo quy định của pháp luật thì những người có đất nông nghiệp bị thu hồi thì ngoài việc được bồi thường về đất thì còn được hỗ trợ khoản tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. UBND xã C đã xác nhận gia đình ông T là gia đình sản xuất nông nghiệp nên UBND thành phố T xác định ông T không được hỗ trợ khoản tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm là không đúng; theo quy định tại tỉnh Thái Nguyên thì mức hỗ trợ khoản tiền này được tính là gấp 03 lần giá trị đất nông nghiệp thu hồi. Mặt khác, tại tỉnh Thái Nguyên cũng có trường hợp như gia đình ông T thì được giải quyết hỗ trợ khoản tiền này còn gia đình ông T không được hỗ trợ là không công bằng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc UBND thành phố T hỗ trợ khoản tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho gia đình ông T theo quy định của pháp luật.

- Ông Đình Hồng T bổ sung: Thực tế gia đình tôi có sản xuất nông nghiệp, có trồng cây ăn quả, hàng năm đều có thu hoạch để bán và gia đình sống chủ yếu

dựa vào nguồn tiền thu nhập từ việc bán các sản phẩm nông nghiệp được trồng trên đất bị thu hồi này nên UBND thành phố T không hỗ trợ khoản tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho gia đình là không đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh Hồng T là trong thời hạn và người kháng cáo là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh Hồng T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh Hồng T là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện nhưng người đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 31/3/2023 người khởi kiện có đơn khởi kiện và ngày 14/6/2023 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu huỷ Quyết định số 10009/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 và Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41; buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thay thế và chi trả cho gia đình khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm do thu hồi đất nông nghiệp. Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về việc

huỷ Quyết định số 10009/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T là tự nguyện, không trái pháp luật nên bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T:

Sau khi có Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu tái định cư S, xã C, thành phố T (Giai đoạn 1) Đợt 41. UBND xã C đã lập các Bảng kê khai diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; biểu thống kê diện tích đất thu hồi; bản thống kê chi tiết tài sản, cây cối, hoa màu. Ngày 05/4/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T lập biên bản về việc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và đối soát bản đồ để thực hiện dự án. Ngày 18/4/2022, UBND xã C lập biên bản về việc xác định thời điểm, quá trình xây dựng và sử dụng đối với các hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án. Ngày 21/9/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T có Tờ trình số 631/TTr-TTPTQĐ và ngày 31/10/2022 Phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố T có Tờ trình số 2457/TTr-TN&MT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 07/11/2022 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 10007/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp về nội dung của Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T:

[2.2.1] Theo Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T thì gia đình ông Đinh Hồng T được bồi thường, hỗ trợ; cụ thể: Hộ ông Đinh Hồng T và bà Lê Thị T3; tổng giá trị phê duyệt là 5.900.431.930 đồng (Trong đó: Bồi thường về đất ở 840.000.000 đồng; bồi thường đất vườn cùng thửa đất ở 2.322.180.000 đồng; bồi thường đất nông nghiệp 198.455.400 đồng; bồi thường tài sản 2.075.404.530 đồng; bồi thường cây cối 251.183.200 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 9.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề 180.694.800 đồng; hỗ trợ thuê nhà 4.800.000 đồng; hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất kinh doanh 2.246.400 đồng; bồi thường chi phí di chuyển 3.500.000 đồng; thưởng bàn giao mặt bằng 12.967.600 đồng). Hộ ông Đinh Trọng Á (bà Nguyễn Thị Thanh B) con trai ông Đinh Hồng T có nhà ở trên thửa đất số 1442 (368) và xây nhà trên thửa đất số 370; tổng trị giá phê duyệt 198.659.890 đồng (Gồm: Bồi thường tài sản 186.659.890 đồng, hỗ trợ thuê nhà 12.000.000 đồng). Bà Đinh Thị Minh D con gái ông Đinh Hồng T có nhà xây dựng khu sản xuất, kinh doanh rượu trên thửa đất 1442 (368) và nhà xây trên thửa đất số 370 tổng trị giá phê duyệt 662.840.783 đồng (Gồm: Bồi thường tài sản 645.147,983 đồng, hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất

kinh doanh 17.692.800 đồng). Các khoản bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông Đinh Hồng T nêu trên đã được UBND thành phố T thực hiện là đúng theo quy định tại Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất tái định cư, bồi thường bằng đất một số dự án trên địa bàn thành phố T. Gia đình ông Đinh Hồng T đồng ý và đã nhận đầy đủ các khoản bồi thường trên, không có ý kiến gì.

[2.2.2] Đối với nội dung ông Đinh Hồng T yêu cầu hỗ trợ khoản tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm do bị thu hồi phần diện tích 2.211,6m² đất BHK tại thửa đất số 368 (số thửa chính lý là 1442), tờ bản đồ số 12 xã C:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được và trình bày của người khởi kiện có cơ sở khẳng định hộ gia đình ông Đinh Hồng T không trực tiếp sản xuất và không có nguồn sống chính bằng sản xuất nông nghiệp đối với phần diện tích đất bị thu hồi 2.211,6m² đất BHK tại thửa đất số 368 (số thửa chính lý là 1442), tờ bản đồ số 12 xã C; phần diện tích đất này của gia đình ông Đinh Hồng T sử dụng là đất vườn cùng thửa với đất ở tại nông thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Đất đai năm 2013, trên phần diện tích đất này gia đình ông Đinh Hồng T có xây dựng nhà ở 01 tầng, các công trình phụ sinh hoạt, sân, tường rào, bờ kè, nhà nấu rượu và chỉ trồng một số loại cây ăn quả; phần diện tích đất này đã được tính giá bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường đất ở tại Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND thành phố T.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Đinh Hồng T và người đại diện theo uỷ quyền nộp một số giấy tờ và trình bày cho rằng thực tế gia đình ông Đinh Hồng T có sản xuất nông nghiệp và sống chủ yếu dựa vào nguồn tiền thu nhập từ việc bán các sản phẩm nông nghiệp được trồng trên đất bị thu hồi là không có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ T4; Điều 2 Nghị định số 64/CP ngày 02/9/1993 của Chính phủ; khoản 1 Điều 1 Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ; khoản 1, 2 Điều 70 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 54 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 17 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh T thì phần diện tích 2.211,6m² đất BHK tại thửa đất số 368 (số thửa chính lý là 1442), tờ bản đồ số 12 xã C do gia đình ông Đinh Hồng T sử dụng bị thu hồi là không thuộc trường hợp được tính khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm.

[2.2.3] Như vậy, Quyết định số 10007/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố T được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; về nội dung đã giải quyết đúng pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia

đình ông Đình Hồng T. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đình Hồng T là có căn cứ pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đình Hồng T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Đình Hồng T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Đình Hồng T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2024/HC-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đình Hồng T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng